



ISO 9001:2015  
VIMCERT 025

## TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 99 Trần Quốc Toàn, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội  
Điện thoại: 024-22172480; 024-22172473 Fax: 024-38223617



Số: 04496/2025/PKQ (25/05.05-2277-NT-1)

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2025

VILAS 441

### PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

|                         |                            |                                                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1                       | Tên khách hàng:            | CÔNG TY TNHH DENSO VIỆT NAM                                     |
| 2                       | Địa chỉ:                   | Lô M-5A-(2), KCN Thăng Long, xã Thiên Lộc, TP. Hà Nội, Việt Nam |
| 3                       | Ngày lấy mẫu:              | 07/10/2025                                                      |
| 4                       | Loại mẫu:                  | Nước thải                                                       |
| 5                       | Cán bộ tham gia thực hiện: |                                                                 |
| Cán bộ hiện trường      |                            |                                                                 |
|                         | Tạ Mạnh Hà                 | Nguyễn Trung Hậu                                                |
|                         |                            | Lê Đình Mạnh                                                    |
| Cán bộ phòng thí nghiệm |                            |                                                                 |
|                         | Lê Anh Thư.                | Tạ Thị Trang Nhân                                               |
|                         |                            | Nguyễn Văn Trang                                                |
|                         | Trần Thị Cẩm Thơ           | Đào Thu Hiền                                                    |
|                         |                            | Đoàn Thị Thu Trang                                              |

#### 6. Kết quả như sau:

| TT | Thông số                            | Phương pháp thử    | Đơn vị        | 25.2277/159<br>/NT/4217 | QCVN<br>14:2008/BTNMT<br>B* |
|----|-------------------------------------|--------------------|---------------|-------------------------|-----------------------------|
| 1  | pH                                  | TCVN 6492:2011     | -             | 7,61                    | 5 ÷ 9                       |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (20°C)             | TCVN 6001-1:2021   | mg/L          | 4,3                     | 50                          |
| 3  | COD                                 | SMEWW 5220C:2023   | mg/L          | 20,0                    | -                           |
| 4  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)         | TCVN 6625:2000     | mg/L          | 8                       | 100                         |
| 5  | Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S) | TCVN 6637:2000     | mg/L          | <0,038                  | 4                           |
| 6  | Amoni (tính theo N)                 | TCVN 6179-1:1996   | mg/L          | 8,05                    | 10                          |
| 7  | Dầu mỡ động, thực vật               | SMEWW 5520B&F:2023 | mg/L          | <0,6                    | 20                          |
| 8  | Tổng Nitơ                           | TCVN 6638:2000     | mg/L          | 9,8                     | -                           |
| 9  | Tổng photpho (tính theo P)          | TCVN 6202:2008     | mg/L          | 0,67                    | -                           |
| 10 | Tổng Coliforms                      | SMEWW 9221B: 2023  | MPN<br>/100mL | 110                     | 5.000                       |

#### Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- (\*): Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).;
- (-): không xác định;
- 25.2277/159/NT/4217: Nước thải đầu ra tại điểm đầu nối thải ra TLIP ngoài hàng rào cổng 2 kho LOG: X(m) = 2 335 874 ; Y(m) = 579 440 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



GIÁM ĐỐC

Trần Thị Liễu

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Cán bộ QA/QC

Vũ Thị Thanh Phương

Trưởng phòng

Đặng Thị Thu Hà

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ